

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ D  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1563/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chung Cảnh Long

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Thu Oanh
2. Bà Phan Thị Bé

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố A – Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1009/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố D (Quận Q cũ), Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2898/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Lý Quốc Th, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: 26/3/4A đường 11, tổ 28, khu phố Phước Hậu, phường A, thành phố D, Thành Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Tất Cẩm T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: 26/3/4A đường 11, tổ 28, khu phố Phước Hậu, phường A, thành phố D, Thành Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử tại Tòa án, nguyên đơn là ông Lý Quốc Th trình bày:

Ông Th và bà Tất Cẩm T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, Quyền số 01, do Ủy ban nhân dân phường A, Quận Q, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/11/2004.

Cuộc sống chung của ông Th và bà T hạnh phúc. Từ giữa năm 2019 đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th có gây nợ nần, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Th yêu cầu ly hôn với bà Tất Cẩm T.

Về con chung: Ông Lý Quốc Th và bà Tất Cẩm T có 03 con chung tên Lý Tất Cẩm Ti, sinh ngày 14/01/2007, Lý Quốc Ta, sinh ngày 16/01/2012 và Lý Quốc P, sinh ngày 16/01/2012. Ông Th đồng ý giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, ông Th cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Tất Cẩm T trình bày:

Bà T và ông Lý Quốc Th tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, Quyền số 01, do Ủy ban nhân dân phường A, Quận Q, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/11/2004.

Cuộc sống chung của bà T và ông Th hạnh phúc. Từ cuối năm 2019 đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th ăn chơi, nợ nần nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Th yêu cầu ly hôn với bà T thì bà T không đồng ý. Bởi vì bà T sợ khi ly hôn bà T và các con không có chỗ ở.

Về con chung: Bà Tất Cẩm T và ông Lý Quốc Th có 03 con chung tên Lý Tất Cẩm Ti, sinh ngày 14/01/2007, Lý Quốc Ta, sinh ngày 16/01/2012 và Lý Quốc Ph, sinh ngày 16/01/2012. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con chung, bà T yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn là bà Tất Cẩm T có địa chỉ tại thành phố D, Thành Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của hai bên và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì ông Lý Quốc Th và bà Tất Cẩm T đã chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, Quyền số 01, do Ủy ban nhân dân phường Ac, Quận Q, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/11/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Th và T là hợp pháp.

Ông Th cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Th có gây nợ nần, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau.

Theo Công văn trả lời xác minh mâu thuẫn số 147/UBND ngày 05/5/2021 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: Thực tế cuộc sống hôn nhân giữa ông Lý Quốc Th và bà Tất Cẩm T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xung đột không thể hòa hợp được.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Điều 19: Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. ...”

Xét, quá trình sống chung giữa các bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét, tình trạng mâu thuẫn giữa ông Thắng, bà Tú trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, việc ông Thắng yêu cầu ly hôn với bà Tú là có cơ sở giải quyết.

Xét, bà Tất Cẩm T không đồng ý ly hôn với lý do bà T sợ không có chỗ ở. Xét yêu cầu trên của bà T là không có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông Lý Quốc Th và bà Tất Cẩm T có 03 con chung tên Lý Tất Cẩm Ti, sinh ngày 14/01/2007, Lý Quốc Ta, sinh ngày 16/01/2012 và Lý Quốc Ph, sinh ngày 16/01/2012. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông Th và bà T thỏa thuận bà T trực tiếp nuôi 03 con chung, ông Th cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 1.500.000 đồng/tháng. Thỏa thuận trên của ông Th và bà T phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa thống nhất, phù hợp hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Ông Lý Quốc Th phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

### **Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lý Quốc Th và bà Tất Cẩm T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79, Quyền số 01, do Ủy ban nhân dân phường A, Quận Q, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/11/2004 cho ông Lý Quốc Th và bà Tất Cẩm T không còn giá trị pháp lý.

### **2.** Về con chung:

**2.1.** Giao 03 con chung Lý Tất Cẩm Ti, sinh ngày 14/01/2007, Lý Quốc Ta, sinh ngày 16/01/2012 và Lý Quốc Ph, sinh ngày 16/01/2012 cho bà Tất Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng.

**2.2.** Ông Lý Quốc Th cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm ngàn đồng một tháng) cho đến khi con chung

lần lượt đủ 18 tuổi. Ông Th được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Tất Cẩm T cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Lý Quốc Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3. Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết

**4. Về nợ chung:** Không có

**5. Án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Lý Quốc Th phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà ông Th đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0047035 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, ông Lý Quốc Th phải tiếp tục nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM ;
- Chi cục THADS TP D ;
- VKSND TP D;
- UBND P A, TP D;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Cảnh Long